

## DANH MỤC THÔNG TIN THỐNG KÊ TỪ ĐIỀU TRA ĐÁNH GIÁ CÁC MỤC TIÊU TRẺ EM VÀ PHỤ NỮ (MICS)

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
Bảng SR.1.1: Các kết quả phòng vấn hộ gia đình, kiểm tra chất lượng nước, phụ nữ, nam giới, trẻ em dưới 5 tuổi và trẻ từ 5-17 tuổi	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH	2020 - 2021
Bảng SR.2.1: Các đặc trưng về nhà ở	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Dân tộc	2020 - 2021
Bảng SR.2.2: Tài sản của hộ gia đình và thành viên hộ	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Dân tộc	2020 - 2021
Bảng SR.2.3: Nhóm mức sống	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Dân tộc; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng SR.3.1: Cơ cấu hộ gia đình	Giới tính chủ hộ; Nhóm tuổi chủ hộ; Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của chủ hộ; Quy mô hộ; Dân tộc của chủ hộ; Đặc trưng hộ với trẻ em	2020 - 2021
Bảng SR.4.1: Phân bố tuổi của dân số hộ gia đình theo giới tính	Nhóm tuổi; Giới tính	2020 - 2021
Bảng SR.5.1W: Các đặc trưng cơ bản của phụ nữ	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Tình trạng hôn nhân; Lịch sử sinh đẻ: BHYT; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng SR.5.1M: Các đặc trưng cơ bản của nam giới	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Tình trạng hôn nhân; Lịch sử sinh đẻ: BHYT; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức	2020 - 2021

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	sống	
Bảng SR.5.2: Các đặc trưng cơ bản của trẻ em dưới 5 tuổi	Giới tính; Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn của mẹ; BHYT; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng SR.5.3: Các đặc trưng cơ bản của thành viên từ 5-17 tuổi	Giới tính; Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn của mẹ; BHYT; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng SR.6.1W: Biết chữ (phụ nữ)	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng SR.6.1M: Biết chữ (nam giới)	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng SR.7.1W: Tình trạng di cư (phụ nữ)	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Tình trạng hôn nhân; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng SR.7.1M: Tình trạng di cư (nam giới)	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Tình trạng hôn nhân; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng SR.9.1W: Tiếp cận truyền thông (phụ nữ)	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng SR.9.1M: Tiếp cận truyền thông (nam giới)	Thành thị/Nông thôn; Vùng	2020 - 2021

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	
Bảng SR.9.2: Hộ gia đình sở hữu các thiết bị công nghệ thông tin truyền thông và truy cập internet	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng SR.9.3W: Sử dụng phương tiện công nghệ thông tin truyền thông (phụ nữ)	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng SR.9.3M: Sử dụng phương tiện công nghệ thông tin truyền thông (nam giới)	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng SR.9.4W: Kỹ năng sử dụng phương tiện công nghệ thông tin truyền thông (phụ nữ)	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng SR.9.4M: Kỹ năng sử dụng phương tiện công nghệ thông tin truyền thông (nam giới)	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng SR.10.1M: Hiện tại và đa từng sử dụng thuốc lá (nam giới)	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng SR.10.2M: Tuổi lần đầu hút thuốc và tần suất hút thuốc (nam giới)	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng SR.10.3M: Sử dụng đồ uống có cồn (nam giới)	Thành thị/Nông thôn; Vùng	2020 - 2021

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	
Bảng SR.11.1: Sắp xếp cuộc sống của trẻ (0-17 tuổi) và trẻ mồ côi	Giới tính; Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng SR.11.1A: Sắp xếp cuộc sống của trẻ (0-15 tuổi) và trẻ mồ côi	Giới tính; Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng SR.11.2: Sắp xếp cuộc sống của trẻ từ 0-17 tuổi và tình trạng ở cùng bố mẹ	Giới tính; Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Tình trạng bố mẹ đẻ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng SR.11.2A: Sắp xếp cuộc sống của trẻ em từ 0-15 tuổi và tình trạng ở cùng bố mẹ	Giới tính; Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Tình trạng bố mẹ đẻ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng SR.11.3: Trẻ em từ 0-17 tuổi không được bố mẹ chăm sóc	Giới tính; Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Tình trạng bố mẹ đẻ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống; Mối quan hệ với chủ hộ	2020 - 2021
Bảng SR.11.3A: Trẻ em từ 0-15 tuổi không được bố mẹ chăm sóc	Giới tính; Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Tình trạng bố mẹ đẻ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021

<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Phân tổ</b>	<b>Độ dài thời gian</b>
Bảng CS.1: Các tỷ suất chết trẻ em	Nhóm tuổi	2020 - 2021
Bảng CS.2: Tỷ suất chết của trẻ em theo thành thị/nông thôn và giới tính	Thành thị/Nông thôn; Giới tính	2020 - 2021
Bảng TM.1.1: Tỷ suất sinh	Thành thị/Nông thôn; Nhóm tuổi	2020 - 2021
Bảng TM.2.1: Tỷ suất sinh con vị thành niên và tổng tỷ suất sinh	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.2.2W: Mang thai sớm (phụ nữ trẻ)	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.2.2M: Làm cha sớm (nam giới trẻ)	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.2.3W: Xu hướng mang thai sớm (phụ nữ)	Nhóm tuổi; Thành thị\Nông thôn; Dân tộc	2020 - 2021
Bảng TM.2.3M: Xu hướng làm cha sớm (nam giới)	Nhóm tuổi; Thành thị\Nông thôn	2020 - 2021
Bảng TM.3.1: Sử dụng biện pháp tránh thai (phụ nữ đang có chồng hoặc chung sống như vợ chồng)	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Số con sinh ra sống; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống; Biện pháp tránh thai	2020 - 2021
Bảng TM.3.2: Sử dụng biện pháp tránh thai (phụ nữ hiện không có chồng/không chung sống như vợ chồng)	Thành thị\Nông thôn	2020 - 2021
Bảng TM.3.3: Nhu cầu tránh thai (phụ nữ có chồng hoặc chung sống như vợ chồng)	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Số con sinh ra sống;	2020 - 2021

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	
Bảng TM.3.4: Nhu cầu tránh thai (phụ nữ hiện không kết hôn/ không chung sống như vợ chồng)	Thành thị\Nông thôn	2020 - 2021
Bảng TM.4.1: Chăm sóc trước sinh	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn; Tuổi của mẹ trong lần sinh gần nhất; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.4.2: Số lần chăm sóc trước sinh và thời gian lần đầu chăm sóc trước sinh	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn; Tuổi của mẹ trong lần sinh gần nhất; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.4.3: Nội dung chăm sóc trước sinh	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn; Tuổi của mẹ trong lần sinh gần nhất; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.5.1: Tiêm phòng uốn ván sơ sinh	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.6.1: Nơi sinh con	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Tuổi của mẹ trong lần sinh gần nhất; Số lần chăm sóc trước sinh; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.6.2: Hỗ trợ khi sinh con và tỷ lệ sinh mổ	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Tuổi của mẹ trong	2020 - 2021

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	lần sinh gần nhất; Số lần chăm sóc trước sinh; Nơi sinh; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	
Bảng TM.7.1: Trẻ được cân nặng khi sinh	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Tuổi của mẹ trong lần sinh gần nhất; Thứ tự lần sinh gần nhất; Nơi sinh; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.8.1: Lưu lại cơ sở y tế sau sinh	Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Tuổi của mẹ trong lần sinh gần nhất; Loại cơ sở y tế; Hình thức sinh con; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.8.2: Khám sức khỏe sau sinh cho trẻ mới sinh	Giới tính; Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Tuổi của mẹ trong lần sinh gần nhất; Nơi sinh; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.8.3: Chăm sóc sức khỏe cho trẻ mới sinh trong 1 tuần sau sinh	Giới tính; Thành thị/Nông thôn	2020 - 2021
Bảng TM.8.4: Chăm sóc thân nhiệt cho trẻ mới sinh	Giới tính; Thành thị/Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Tuổi của mẹ trong lần sinh gần nhất; Nơi sinh; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021

<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Phân tổ</b>	<b>Độ dài thời gian</b>
Bảng TM.8.5: Cắt dây rốn và chăm sóc dây rốn	Giới tính của trẻ; Dụng cụ cắt dây rốn	2020 - 2021
Bảng TM.8.6: Nội dung chăm sóc sau sinh cho trẻ mới sinh	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Tuổi của mẹ trong lần sinh gần nhất; Nơi sinh; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.8.7: Kiểm tra sức khỏe sau sinh cho mẹ	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Tuổi của mẹ trong lần sinh gần nhất; Nơi sinh; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.8.8: Chăm sóc sức khỏe sau sinh cho bà mẹ trong một tuần sau sinh	Giới tính; Thành thị\Nông thôn	2020 - 2021
Bảng TM.8.9: Chăm sóc sức khỏe sau sinh cho bà mẹ và trẻ mới sinh	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Tuổi của mẹ trong lần sinh gần nhất; Nơi sinh; Hình thức sinh; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.10.1M: Quan hệ tình dục với nhiều bạn tình (nam giới)	NA	2020 - 2021
Bảng TM.10.2W: Các chỉ tiêu hành vi tình dục chính (phụ nữ trẻ)	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Tình trạng hôn nhân; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.10.2M: Các chỉ tiêu hành vi tình dục chính (nam giới trẻ)	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Tình trạng hôn nhân; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm	2020 - 2021

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	mức sống	
Bảng TM.S1: Quyết định quan hệ tình dục và sử dụng biện pháp tránh thai	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.11.1W: Kiến thức về lây nhiễm HIV, những quan niệm sai về HIV/AIDS và hiểu biết toàn diện về lây nhiễm HIV (phụ nữ)	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Tình trạng hôn nhân; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.11.1M: Kiến thức về lây nhiễm HIV, những quan niệm sai về HIV/AIDS và hiểu biết toàn diện về lây nhiễm HIV (nam giới)	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Tình trạng hôn nhân; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.11.2W: Hiểu biết về lây truyền HIV từ mẹ sang con (phụ nữ)	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Tình trạng hôn nhân; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.11.2M: Hiểu biết về lây truyền HIV từ mẹ sang con (nam giới)	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Tình trạng hôn nhân; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.11.3W: Thái độ chấp nhận đối với người bị nhiễm HIV (phụ nữ)	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Tình trạng hôn nhân; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.11.3M: Thái độ đối với người bị nhiễm HIV (nam giới)	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ	2020 - 2021

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	học vấn; Tình trạng hôn nhân; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	
Bảng TM.11.4W: Biết về nơi xét nghiệm HIV (phụ nữ)	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Tình trạng hôn nhân; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.11.4M: Biết về nơi xét nghiệm HIV (nam giới)	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Tình trạng hôn nhân; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.11.5: Tư vấn và xét nghiệm HIV trong khi mang thai	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.11.6W: Các chỉ tiêu chính về HIV và AIDS (phụ nữ trẻ)	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Tình trạng hôn nhân; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.11.6M: Các chỉ tiêu chính về HIV và AIDS (nam giới trẻ)	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Tình trạng hôn nhân; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.S2A: Tỷ lệ mang thai	Nhóm tuổi; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.S2B: Kết quả mang thai	Nhóm tuổi; Thành thị\Nông	2020 - 2021

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	
Bảng TM.S3: Mất thai/đình chỉ thai nghén	Nhóm tuổi; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.S4: Tỷ lệ phá thai	Nhóm tuổi; Thành thị\Nông thôn	2020 - 2021
Bảng TM.S5: Tỷ suất phá thai	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.S6: Phương pháp phá thai	Phương pháp phá thai	2020 - 2021
Bảng TM.S7: Tuổi thai tại thời điểm phá thai	NA	2020 - 2021
Bảng TM.S8: Người cung cấp dịch vụ phá thai	Loại người cung cấp dịch vụ	2020 - 2021
Bảng TM.S9: Địa điểm phá thai	Địa điểm phá thai	2020 - 2021
Bảng TM.S10: Biên chứng do phá thai	NA	2020 - 2021
Bảng TM.S11: Lý do của lần phá thai gần nhất	Lý do	2020 - 2021
Bảng TM.S12: Kiến thức về UTCTC và sàng lọc UTCTC	Nhóm tuổi; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.S13: Độ tuổi trung bình sàng lọc UTCTC	Nhóm tuổi; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.S14: Kết quả sàng lọc UTCTC	Nhóm tuổi; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021

<b>Tên chỉ tiêu</b>	<b>Phân tổ</b>	<b>Độ dài thời gian</b>
Bảng TM.S15: Kiến thức về tiêm phòng HPV và tỷ lệ tiêm phòng HPV (phụ nữ từ 15-29 tuổi)	Nhóm tuổi; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TM.S16: Tuổi trung bình khi tiêm phòng HPV (ở phụ nữ từ 15-29 tuổi)	Nhóm tuổi; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TC.1.1: Tiêm chủng trong những năm đầu đời	Loại mũi tiêm chủng	2020 - 2021
Bảng TC.1.2A: Tiêm chủng chia theo các đặc trưng (trẻ 12-23 tháng tuổi)	Giới tính; Nhóm tuổi; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TC.1.2B: Tiêm chủng chia theo các đặc trưng (trẻ 24-35 tháng tuổi)	Giới tính; Nhóm tuổi; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TC.2.1: Các dấu hiệu bệnh được khai báo	Giới tính; Nhóm tuổi; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TC.3.1: Tìm lời khuyên/điều trị khi trẻ bị tiêu chảy	Giới tính; Nhóm tuổi; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TC.3.2: Cho trẻ ăn khi bị tiêu chảy	Giới tính; Nhóm tuổi; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	mức sống	
Bảng TC.3.3: Dung dịch muối bù nước bằng đường uống ô rê zôn (ORS), dung dịch tự pha chế được khuyến dùng và kềm	Giới tính; Nhóm tuổi; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TC.3.4: Liệu pháp bù nước điện giải (ORT) kết hợp tiếp tục cho ăn và biện pháp điều trị khác	Giới tính; Nhóm tuổi; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TC.3.5: Nguồn của ORS và kềm	Giới tính	2020 - 2021
Bảng TC.4.1: Công nghệ và nhiên liệu sạch để nấu ăn	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TC.4.2: Sử dụng chất đốt rắn để nấu ăn	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TC.4.3: Sử dụng công nghệ và nhiên liệu ô nhiễm để nấu ăn chia theo loại bếp, đặc điểm của bếp và nơi nấu ăn	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TC.4.4: Công nghệ và nhiên liệu sử dụng chủ yếu để sưởi ấm	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TC.4.5: Thiết bị sưởi được sử dụng chủ yếu và ống khói	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn	2020 - 2021

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	
Bảng TC.4.6: Công nghệ và nhiên liệu sử dụng chủ yếu để thắp sáng	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TC.4.7: Công nghệ và nhiên liệu sạch sử dụng chủ yếu để nấu ăn, sưởi ấm và thắp sáng	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TC.5.1: Tìm kiếm lời khuyên và điều trị kháng sinh cho trẻ có triệu chứng nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính (ARI)	NA	2020 - 2021
Bảng TC.7.1: Cho trẻ bú sớm	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Số tháng từ lần sinh gần nhất; Trình độ học vấn của mẹ; Người đỡ đẻ; Nơi sinh; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TC.7.2: Chế độ ăn của trẻ sơ sinh	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Số tháng từ lần sinh gần nhất; Tình trạng cho bú; Người đỡ đẻ; Nơi sinh; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TC.7.3: Tình trạng bú mẹ	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TC.7.4: Thời gian bú sữa mẹ	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
Bảng TC.7.5: Chế độ ăn phù hợp	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TC.7.6: Làm quen với thức ăn cứng, vừa và mềm	Giới tính; Thành thị\Nông thôn	2020 - 2021
Bảng TC.7.7: Chế độ ăn của trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TC.7.8: Cho trẻ bú bình	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TC.10.1: Hỗ trợ học tập	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Tuổi; Trình độ học vấn của mẹ; Trình độ học vấn của bố; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TC.10.2: Tài liệu học tập	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng TC.10.3: Thiếu sự trông nom của người lớn	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
Bảng TC.11.1: Chỉ số phát triển trẻ thơ toàn diện	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng LN.1.1: Đi học mẫu giáo	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng LN.1.2: Tỷ lệ tham gia các chương trình học tập có tổ chức	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng LN.2.1: Sự sẵn sàng đi học	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng LN.2.2: Nhập học tiểu học	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng LN.2.3: Đi học của trẻ em ở độ tuổi tiểu học	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Tuổi; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng LN.2.4: Đi học của trẻ em ở độ tuổi trung học cơ sở	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Tuổi; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
Bảng LN.2.5: Tuổi theo lớp học	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Lớp; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng LN.2.6: Đi học trung học phổ thông và trẻ em ngoài nhà trường	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Lớp; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng LN.2.7: Tỷ lệ nhập học chung, tỷ lệ hoàn thành và tỷ lệ chuyển tiếp hiệu quả	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng LN.2.8: Chỉ số bình đẳng	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng LN.3.1: Hỗ trợ trẻ em học tại trường	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Tuổi; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng LN.3.2: Các lý do liên quan đến trường học khiến học sinh không thể đến lớp	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Tuổi; Trình độ học vấn của mẹ; Loại trường; Khó khăn về chức năng của trẻ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng LN.3.3: Môi trường học tập tại nhà	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Tuổi; Trình độ học vấn của mẹ; Khó khăn về chức năng của	2020 - 2021

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	trẻ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	
Bảng LN.4.1: Kỹ năng đọc hiểu	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Tuổi; Lớp; Khó khăn về chức năng của trẻ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng LN.4.2: Kỹ năng làm toán	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của mẹ; Tuổi; Lớp; Khó khăn về chức năng của trẻ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng PR.1.1: Đăng ký khai sinh	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn của mẹ; Khó khăn về chức năng của trẻ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng PR.2.1: Xử phạt trẻ em	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn của mẹ; Khó khăn về chức năng của trẻ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng PR.2.2: Thái độ về xử phạt về thể chất	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng PR.3.1: Sự tham gia của trẻ em vào các hoạt động kinh tế	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn của	2020 - 2021

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	mẹ; Khó khăn về chức năng của trẻ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	
Bảng PR.3.2: Trẻ em tham gia vào làm việc nhà của hộ	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn của mẹ; Khó khăn về chức năng của trẻ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng PR.3.3: Lao động trẻ em	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn của mẹ; Khó khăn về chức năng của trẻ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng PR.3.4: Công việc nguy hiểm	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn của mẹ; Khó khăn về chức năng của trẻ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng PR.4.1W: Kết hôn sớm và đa thê (phụ nữ)	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ giáo dục; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng PR.4.1M: Kết hôn sớm và đa thê (nam giới)	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ giáo dục; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng PR.4.2W: Xu hướng kết hôn sớm (phụ nữ)	Nhóm tuổi; Thành thị\Nông thôn	2020 - 2021
Bảng PR.4.2M: Xu hướng kết hôn sớm (nam giới)	Nhóm tuổi; Thành thị\Nông	2020 - 2021

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	thôn	
Bảng PR.4.3. Khác biệt tuổi vợ và chồng	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ giáo dục; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng PR.6.1W: Nạn nhân bị cướp và tấn công (phụ nữ)	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ giáo dục; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng PR.6.1M: Nạn nhân bị cướp và tấn công (nam giới)	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ giáo dục; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng PR.6.2W: Hoàn cảnh xảy ra vụ cướp gần nhất (phụ nữ)	Thành thị\Nông thôn; Trình độ giáo dục; Lân xảy ra gần nhất; Kết quả vụ cướp	2020 - 2021
Bảng PR.6.2M: Hoàn cảnh xảy ra vụ cướp gần nhất (nam giới)	NA	2020 - 2021
Bảng PR.6.3W: Địa điểm và hoàn cảnh xảy ra vụ tấn công gần nhất (phụ nữ)	Thành thị\Nông thôn; Lân xảy ra gần nhất; Số người phạm tội	2020 - 2021
Bảng PR.6.3M: Địa điểm và hoàn cảnh xảy ra vụ tấn công gần nhất (nam giới)	Lân xảy ra gần nhất; Số người phạm tội	2020 - 2021
Bảng PR.6.4W: Trình báo về bị cướp và tấn công trong 1 năm trước điều tra (phụ nữ)	Thành thị\Nông thôn	2020 - 2021
Bảng PR.6.4M: Trình báo về bị cướp và tấn công trong 1 năm trước điều tra (nam giới)	NA	2020 - 2021
Bảng PR.7.1W: Cảm giác an toàn (phụ nữ)	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ giáo dục; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng PR.7.1M: Cảm giác an toàn (nam giới)	Thành thị\Nông thôn; Vùng	2020 - 2021

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ giáo dục; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	
Bảng PR.8.1W: Quan điểm đối với bạo lực gia đình (phụ nữ)	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ giáo dục; Tình trạng hôn nhân/sống chung; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng PR.8.1M: Quan điểm đối với bạo lực gia đình (nam giới)	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ giáo dục; Tình trạng hôn nhân/sống chung; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng WS.1.1: Sử dụng nguồn nước được cải thiện	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của chủ hộ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng WS.1.2: Sử dụng các dịch vụ nước uống hạn chế và cơ bản	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của chủ hộ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng WS.1.3: Người đi lấy nước	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của chủ hộ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng WS.1.4: Thời gian tới nguồn nước	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của chủ hộ; Nhóm tuổi; Giới tính; Nguồn nước uống; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng WS.1.5: Có đủ nước uống khi cần thiết	Thành thị\Nông thôn; Vùng	2020 - 2021

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	KT-XH; Trình độ học vấn của chủ hộ; Nguồn nước uống; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	
Bảng WS.1.5A: Có đủ nước uống khi cần thiết (trong 12 tháng qua)	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của chủ hộ; Nguồn nước uống; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng WS.1.6: Chất lượng nước uống tại nguồn	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của chủ hộ; Nguồn nước uống; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng WS.1.7: Chất lượng nước uống tại hộ gia đình	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của chủ hộ; Nguồn nước uống; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng WS.1.8: Dịch vụ nước uống được quản lý an toàn	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của chủ hộ; Nguồn nước uống; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng WS.1.9: Xử lý nước tại hộ	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của chủ hộ; Nguồn nước uống; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng WS.1.10: Asen trong nguồn nước uống	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của chủ hộ; Nguồn nước	2020 - 2021

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	uống; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	
Bảng WS.2.1: Nước và xà phòng tại nơi rửa tay	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của chủ hộ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng WS.3.1: Sử dụng hố xí được cải thiện và không được cải thiện	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của chủ hộ; Nơi đặt hố xí; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống; Loại hố xí hộ sử dụng	2020 - 2021
Bảng WS.3.2: Sử dụng các dịch vụ vệ sinh hạn chế hoặc cơ bản	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của chủ hộ; Nơi đặt hố xí; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng WS.3.3: Lấy phân từ hố xí được cải thiện trong nhà	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của chủ hộ; Loại hố xí; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng WS.3.4: Xử lý phân từ hố xí của hộ gia đình	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của chủ hộ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng WS.3.5: Xử lý phân trẻ em	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của chủ hộ; Nơi đặt hố xí; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
Bảng WS.3.6: Nước uống, hồ xí và rửa tay	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Trình độ học vấn của chủ hộ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng WS.4.1: Vệ sinh trong kỳ kinh nguyệt	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng WS.4.2: Không tham gia các hoạt động trong kỳ kinh nguyệt	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng EQ.1.1: Thực hiện chức năng (2-4 tuổi)	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Tuổi; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng EQ.1.2: Thực hiện chức năng (5-17 tuổi)	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Tuổi; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng EQ.1.2A: Thực hiện chức năng (5-15 tuổi)	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Tuổi; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng EQ.1.3: Sử dụng thiết bị trợ giúp (2-17 tuổi)	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Tuổi; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
Bảng EQ.1.3A: Sử dụng thiết bị trợ giúp (2-15 tuổi)	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Tuổi; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng EQ.1.4: Hoạt động chức năng (2-17 tuổi)	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Tuổi; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng EQ.1.4A: Hoạt động chức năng (2-15 tuổi)	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Tuổi; Trình độ học vấn của mẹ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng EQ.2.1W: Tham gia bảo hiểm y tế (phụ nữ)	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Tuổi; Trình độ học vấn; Tình trạng hôn nhân; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng EQ.2.1M: Tham gia bảo hiểm y tế (nam giới)	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Tuổi; Trình độ học vấn; Tình trạng hôn nhân; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng EQ.2.2: Tham gia bảo hiểm y tế (trẻ em từ 5-17 tuổi)	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Tuổi; Tình trạng đi học; Trình độ học vấn của mẹ; Khó khăn về chức năng của trẻ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng EQ.2.2A: Tham gia bảo hiểm y tế (trẻ em từ 5-15 tuổi)	Thành thị\Nông thôn; Vùng	2020 - 2021

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
	KT-XH; Tuổi; Tình trạng đi học; Trình độ học vấn của mẹ; Khó khăn về chức năng của trẻ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	
Bảng EQ.2.3: Tham gia bảo hiểm y tế (trẻ em dưới 5 tuổi)	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Tuổi; Tình trạng đi học; Trình độ học vấn của mẹ; Khó khăn về chức năng của trẻ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng EQ.2.4: Hỗ trợ xã hội	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Tuổi chủ hộ; Hộ có trẻ mồ côi; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng EQ.2.5: Hỗ trợ xã hội: Đối với các thành viên hộ gia đình	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn của chủ hộ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng EQ.2.6: Mức độ bao phủ của hỗ trợ xã hội: Đối với hộ gia đình ở 2 nhóm nghèo nhất	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn của chủ hộ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng EQ.2.7: Mức độ bao phủ của hỗ trợ xã hội: Đối với thành viên dưới 18 tuổi trong tất cả các hộ gia đình	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn của chủ hộ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng EQ.2.7A: Mức độ bao phủ của hỗ trợ xã hội: Đối với thành viên dưới 16 tuổi trong tất cả các hộ gia đình		2020 - 2021

Tên chỉ tiêu	Phân tổ	Độ dài thời gian
Bảng EQ.2.8: Mức độ bao phủ của các chương trình hỗ trợ trường học: Đối với thành viên hộ gia đình từ 5-24 tuổi	Giới tính; Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Loại trường; Trình độ học vấn của chủ hộ; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng EQ.3.1W: Quấy rối và phân biệt đối xử (phụ nữ)	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng EQ.3.1M: Quấy rối và phân biệt đối xử (nam giới)	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng EQ.4.1W: Hạnh phúc và sự hài lòng (phụ nữ)	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Tình trạng hôn nhân; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng EQ.4.1M: Hạnh phúc và sự hài lòng (nam giới)	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng EQ.4.2W: Nhận thức về cuộc sống tốt đẹp hơn (phụ nữ)	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021
Bảng EQ.4.2M: Nhận thức về cuộc sống tốt đẹp hơn (nam giới)	Thành thị\Nông thôn; Vùng KT-XH; Nhóm tuổi; Trình độ học vấn; Dân tộc của chủ hộ; Nhóm mức sống	2020 - 2021